

**CÔNG TY CỔ PHẦN KDS EQUITY HOLDINGS**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN KDS EQUITY HOLDINGS

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KDS EQUITY HOLDINGS JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: KDS EQUITY HOLDINGS ., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110908267

**3. Ngày thành lập:** 05/12/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 6 Ngõ 1 Trần Văn Chuông, Phường Yết Kiêu, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0985331556

Fax:

Email: Kdsequityholdings@gmail.com. Website:  
vn

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa<br>Chi tiết: Sản xuất kem từ sữa tươi, sữa tiệt trùng, diệt khuẩn, đồng hóa.<br>Sản xuất kem dạng rắn<br>Sản xuất kem và các sản phẩm đá ăn được khác.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 1050     |
| 2.  | Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Sản xuất súp và nước xút; - Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: Đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn; - Sản xuất gia vị, nước chấm, nước sốt như sốt madonnê, bột mù tạt và mù tạt; - Sản xuất dấm; - Sản xuất mật ong nhân tạo và kẹo; - Sản xuất thực phẩm chế biến sẵn dễ hỏng như: Bánh sandwich, bánh pizza tươi. Nhóm này cũng gồm: - Sản xuất các loại trà dược thảo (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc la mã); - Sản xuất men bia; - Sản xuất nước cốt và nước ép từ thịt, cá, tôm, cua, động vật thân mềm; - Sản xuất sữa tách bơ và bơ; - Sản xuất các sản phẩm trứng, albumin trứng; - Sản xuất muối thanh từ muối mua, bao gồm muối trộn i ốt; - Sản xuất các sản phẩm cô đặc nhân tạo; - Sơ chế, làm sạch, sấy khô tổ yến; - Sản xuất thực phẩm chức năng.<br>Sản xuất thực phẩm sinh học.... | 1079     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 3.  | Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm<br>Chi tiết: - Sản xuất va li, túi xách và các loại tương tự, bằng da, da tổng hợp hoặc bất cứ nguyên liệu nào khác như nhựa, vải dệt, sợi hoặc bìa các tông được lưu hoá, với điều kiện các nguyên liệu này sử dụng cùng công nghệ dùng để xử lý da; - Sản xuất yên đệm; - Sản xuất dây đeo đồng hồ phi kim (từ vải, da, nhựa); - Sản xuất các đồ khác từ da hoặc da tổng hợp: Dây an toàn, túi... - Sản xuất dây giày bằng da; - Sản xuất roi da, roi nài ngựa. | 1512        |
| 4.  | Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rơm, rạ và vật liệu tết bện                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 1629        |
| 5.  | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 1701        |
| 6.  | Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 1702        |
| 7.  | Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 1709        |
| 8.  | Sản xuất lò nướng, lò luyện và lò nung                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           | 2815        |
| 9.  | Bán buôn thực phẩm<br>Chi tiết : Bán buôn kem                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4632        |
| 10. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán buôn quà lưu niệm, hàng đan lát, hàng thủ công mỹ nghệ; bán buôn đồng hồ đeo tay, đồng hồ treo tường và đồ trang sức - Bán buôn hàng thủ công mỹ nghệ khác: Hàng lưu niệm bằng gỗ, sừng, móng thú, sản phẩm da, đồi mồi, san hô...; Bán buôn phụ liệu ngành tóc                                                                                                                                                                                               | 4669        |
| 11. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | 4690        |
| 12. | Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               | 4719        |
| 13. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet<br>Chi tiết: Bán lẻ các loại hàng hóa bằng thư đặt hàng qua internet; Bán trực tiếp qua tivi, đài, điện thoại                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4791        |
| 14. | Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Bán lẻ các loại hàng hóa bằng phương thức bán trực tiếp hoặc chuyển phát theo địa chỉ; bán thông qua máy bán hàng tự động;                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 4799        |
| 15. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 8299        |
| 16. | Sản xuất các loại bánh từ bột                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    | 1071        |
| 17. | Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | 5610        |
| 18. | Dịch vụ phục vụ đồ uống<br>Chi tiết: Quán kem tươi, nước hoa quả, sinh tố, giải khát.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5630(Chính) |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 19. | Hoạt động sản xuất phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>(trừ sản xuất phim, phát sóng và không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)                                              | 5911 |
| 20. | Hoạt động hậu kỳ<br>(Trừ sản xuất phim, phát sóng và không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh).                                                                                                     | 5912 |
| 21. | Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video và chương trình truyền hình<br>Chi tiết: Hoạt động phát hành phim điện ảnh, phim video (Trừ phát sóng, sản xuất phim và không thực hiện hiệu ứng cháy, nổ; Không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, phim, ảnh) | 5913 |
| 22. | Hoạt động nhiếp ảnh<br>(trừ sản xuất phim)                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7420 |
| 23. | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>Chi tiết: Tổ chức sự kiện, hội nghị (không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh)                                                                         | 8230 |
| 24. | Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí<br>(trừ kinh doanh vũ trường, phòng trà ca nhạc và không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh).                                                            | 9000 |

**6. Vốn điều lệ:** 1.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 100.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông      | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                       | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | VI TUẤN<br>MINH  | Số 15A Đường<br>Ngô Gia Tự,<br>Phường Đông<br>Kinh, Thành phố<br>Lạng Sơn, Tỉnh<br>Lạng Sơn, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 15.000        | 150.000.000              | 15,000       | P02227585                                                                                                              |            |
|     |                  |                                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                                          | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                                          | Tổng số                            | 15.000        | 150.000.000              | 15,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                                          |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | CAO THÀNH<br>ĐẠT | Xóm 5, Xã Liên<br>Sơn, Huyện Gia<br>Viễn, Tỉnh Ninh<br>Bình, Việt Nam                                    | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 10.000        | 100.000.000              | 10,000       | 0372000031<br>92                                                                                                       |            |
|     |                  |                                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                                          | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                                          | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                                          | Tổng số                            | 10.000        | 100.000.000              | 10,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                  |                                                                                                          |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                     |                                                                                                 |                           |        |             |        |                  |
|---|---------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|------------------|
| 3 | NGUYỄN<br>HOÀNG SƠN | Số 6 Ngõ 1 Trần Văn Chuông, Phường Yết Kiêu, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam           | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  | 0010990098<br>04 |
|   |                     |                                                                                                 | Cổ phần phổ thông         | 10.000 | 100.000.000 | 10,000 |                  |
|   |                     |                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                 | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                 | Tổng số                   | 10.000 | 100.000.000 | 10,000 |                  |
| 4 | DƯƠNG ĐỨC<br>MINH   | P218-CT3A, Khu Đô Thị Mỹ Đình 2, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  | 0340990000<br>27 |
|   |                     |                                                                                                 | Cổ phần phổ thông         | 15.000 | 150.000.000 | 15,000 |                  |
|   |                     |                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                 | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                 | Tổng số                   | 15.000 | 150.000.000 | 15,000 |                  |
| 5 | NGUYỄN<br>TIỀN ĐẠT  | Xóm 9, Xã Liên Sơn, Huyện Gia Viễn, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam                                    | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  | 0372000011<br>41 |
|   |                     |                                                                                                 | Cổ phần phổ thông         | 15.000 | 150.000.000 | 15,000 |                  |
|   |                     |                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                 | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                 | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                 | Tổng số                   | 15.000 | 150.000.000 | 15,000 |                  |

|   |                     |                                                                                                                  |                                    |        |             |        |                  |
|---|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|--------|-------------|--------|------------------|
| 6 | LÊ THẾ LINH         | Số 4 Lê Phụng<br>Hiếu, Phường<br>Tràng Tiền, Quận<br>Hoàn Kiếm,<br>Thành phố Hà<br>Nội, Việt Nam                 | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0      | 0           | 0,000  | 0010990239<br>56 |
|   |                     |                                                                                                                  | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 25.000 | 250.000.000 | 25,000 |                  |
|   |                     |                                                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                                  | Tổng số                            | 25.000 | 250.000.000 | 25,000 |                  |
|   |                     |                                                                                                                  |                                    |        |             |        |                  |
| 7 | NGUYỄN<br>MINH HIẾU | P506 TT<br>TBVTDL 2<br>Hoàng Ngọc<br>Phách, Phường<br>Láng Hạ, Quận<br>Đống Đa, Thành<br>phố Hà Nội, Việt<br>Nam | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0      | 0           | 0,000  | 0362000007<br>61 |
|   |                     |                                                                                                                  | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 10.000 | 100.000.000 | 10,000 |                  |
|   |                     |                                                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                                  | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                                  | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0      | 0           | 0,000  |                  |
|   |                     |                                                                                                                  | Tổng số                            | 10.000 | 100.000.000 | 10,000 |                  |
|   |                     |                                                                                                                  |                                    |        |             |        |                  |

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức | Loại cổ<br>phần | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ; giá trị<br>tương đương<br>bằng tiền nước<br>ngoài , nếu có) | Tỷ lệ<br>(%) | Số hộ chiếu<br>đối với cá<br>nhân; Mã<br>số doanh<br>nghiệp đối<br>với doanh<br>nghiệp; Số<br>Quyết định<br>thành lập<br>đối với tổ<br>chức | Ghi<br>chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------------------|-----------------|---------------|--------------------------------------------------------------------------------------|--------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|

10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN HOÀNG SƠN

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 07/12/1999

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001099009804

Ngày cấp: 06/07/2022

Nơi cấp: *Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Số 6 Ngõ 1 Trần Văn Chuông, Phường Yết Kiêu, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Số 6 Ngõ 1 Trần Văn Chuông, Phường Yết Kiêu, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội